

**BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC THUẾ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **2027**/TCT-CS

Hà Nội, ngày 14 tháng 6 năm 2012

V/v giới thiệu nội dung mới về
nghĩa vụ thuế đối với nhà thầu
nước ngoài.

Kính gửi: Cục thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc ~~Trung ương~~ ^{Lưu Hồ Sơ}.

Ngày 12/4/2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 60/2012/TT-BTC hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam.

Để giúp cán bộ thuế và người nộp thuế nắm bắt kịp thời và thực hiện những thay đổi, bổ sung trong chính sách thuế đối với nhà thầu nước ngoài, Tổng cục Thuế gửi kèm theo công văn này tài liệu giới thiệu về “Một số nội dung hướng dẫn mới về nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam”. Đề nghị các Cục thuế thông báo, phổ biến cho cán bộ thuế và tuyên truyền tới người nộp thuế trên địa bàn quản lý.

Tổng cục Thuế thông báo để các Cục thuế biết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các Vụ/ đơn vị thuộc Tổng cục;
- Lưu: VT, CS (3).

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**



Cao Anh Tuấn

TỔNG CỤC THUẾ

MỘT SỐ NỘI DUNG HƯỚNG DẪN MỚI VỀ NGHĨA VỤ THUẾ ĐỐI VỚI TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NƯỚC NGOÀI KINH DOANH TẠI VIỆT NAM HOẶC CÓ THU NHẬP TẠI VIỆT NAM TẠI THÔNG TƯ SỐ 60/2012/TT-BTC NGÀY 12/4/2012 CỦA BỘ TÀI CHÍNH

(Kèm theo công văn số: ~~2017~~/TCT-CS ngày 14/6/2012 của Tổng cục Thuế)

1. Đối tượng áp dụng:

Thông tư số 60/2012/TT-BTC hướng dẫn cụ thể đối tượng áp dụng của Thông tư tại khoản 2 Điều 1 đồng thời có ví dụ kèm theo:

Tổ chức, cá nhân nước ngoài cung cấp hàng hoá tại Việt Nam theo hình thức xuất nhập khẩu tại chỗ và có phát sinh thu nhập tại Việt Nam trên cơ sở Hợp đồng ký giữa tổ chức, cá nhân nước ngoài với các doanh nghiệp tại Việt Nam (trừ trường hợp gia công và xuất trả hàng hóa cho tổ chức, cá nhân nước ngoài) hoặc cung cấp hàng hoá theo điều kiện giao hàng DDP, DAT, DAP (Các điều khoản thương mại quốc tế - Incoterms).

2. Đối tượng không áp dụng:

2.1. Đưa ví dụ về đối tượng không áp dụng của Thông tư đối với trường hợp tổ chức cá nhân nước ngoài có thu nhập từ dịch vụ được cung cấp và tiêu dùng ngoài Việt Nam tại khoản 3 Điều 4 Thông tư 60/2012/TT-BTC (nội dung này đã được hướng dẫn tại công văn số 4096/TCT-CS ngày 15/11/2011 của Tổng cục Thuế).

2.2. Hướng dẫn cụ thể quảng cáo, tiếp thị trên internet được thực hiện ở nước ngoài không thuộc đối tượng không áp dụng của Thông tư và có ví dụ tại khoản 4 Điều 4 Thông tư 60/2012/TT-BTC:

Quảng cáo, tiếp thị (trừ quảng cáo, tiếp thị trên internet).

2.3. Bổ sung môi giới cung cấp dịch vụ được thực hiện ở nước ngoài thuộc đối tượng không áp dụng của Thông tư kèm theo ví dụ tại khoản 4 Điều 4 Thông tư 60/2012/TT-BTC; hướng dẫn rõ hơn dịch vụ môi giới để bán hàng hoá, dịch vụ ở nước ngoài thì thuộc đối tượng không áp dụng của Thông tư, nếu dịch vụ môi giới được thực hiện ở nước ngoài nhưng hàng hoá, dịch vụ bán tại Việt Nam thì thuộc đối tượng áp dụng của Thông tư:

Môi giới: bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ ở nước ngoài.

2.4. Hướng dẫn cụ thể đào tạo trực tuyến không thuộc đối tượng không áp dụng của Thông tư tại khoản 4 Điều 4 Thông tư 60/2012/TT-BTC:

Đào tạo (trừ đào tạo trực tuyến).

3. Thu nhập chịu thuế TNDN

Đưa thu nhập từ lãi trái phiếu (trừ trái phiếu thuộc diện miễn thuế), lãi chứng chỉ tiền gửi đã được hướng dẫn tại Thông tư số 64/2010/TT-BTC ngày 22/4/2010 và khoản chiết khấu giá trái phiếu đã được hướng dẫn tại công văn số 4096/TCT-CS ngày 15/11/2011 của Tổng cục Thuế vào khái niệm Thu nhập từ Lãi tiền vay tại khoản 3 Điều 7 Thông tư 60/2012/TT-BTC:

Thu nhập từ Lãi tiền vay: là thu nhập của Bên cho vay từ các khoản cho vay dưới bất kỳ dạng nào mà khoản vay đó có hay không được đảm bảo bằng thế chấp, người cho vay đó có hay không được hưởng lợi tức của người đi vay; thu nhập từ lãi tiền gửi (trừ lãi tiền gửi của các cá nhân người nước ngoài và lãi tiền gửi phát sinh từ tài khoản tiền gửi để duy trì hoạt động tại Việt Nam của cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ tại Việt Nam), kể cả các khoản thưởng đi kèm lãi tiền gửi (nếu có); thu nhập từ lãi trả chậm theo quy định của các hợp đồng; thu nhập từ lãi trái phiếu, chiết khấu giá trái phiếu (trừ trái phiếu thuộc diện miễn thuế); thu nhập từ lãi chứng chỉ tiền gửi.

Lãi tiền vay bao gồm cả các khoản phí mà Bên Việt Nam phải trả theo quy định của hợp đồng.

4. Nộp thuế GTGT theo phương pháp tính trực tiếp trên GTGT

4.1. Hướng dẫn cụ thể cách xác định doanh thu tính thuế GTGT của Nhà thầu nước ngoài trong trường hợp Nhà thầu nước ngoài ký hợp đồng với Nhà thầu phụ Việt Nam, Nhà thầu phụ nước ngoài để giao bớt một phần công việc được quy định tại Hợp đồng nhà thầu và trường hợp Nhà thầu nước ngoài ký hợp đồng với các nhà cung cấp tại Việt Nam để mua hàng hoá, dịch vụ phục vụ việc thực hiện Hợp đồng nhà thầu tại điểm b khoản 1 Điều 12 Thông tư 60/2012/TT-BTC kèm theo ví dụ:

Trường hợp Nhà thầu nước ngoài ký hợp đồng với Nhà thầu phụ Việt Nam hoặc Nhà thầu phụ nước ngoài thực hiện nộp thuế theo phương pháp khấu trừ, kê khai hoặc Nhà thầu phụ nước ngoài nộp thuế theo phương pháp hỗn hợp để giao bớt một phần giá trị công việc hoặc hạng mục được quy định tại Hợp đồng nhà thầu ký với Bên Việt Nam và danh sách các Nhà thầu phụ Việt Nam, Nhà thầu phụ nước ngoài thực hiện phần công việc hoặc hạng mục tương ứng được liệt kê kèm theo Hợp đồng nhà thầu thì doanh thu tính thuế GTGT của Nhà thầu nước ngoài không bao gồm giá trị công việc do Nhà thầu phụ Việt Nam hoặc Nhà thầu phụ nước ngoài thực hiện.

Trường hợp Nhà thầu nước ngoài ký hợp đồng với các nhà cung cấp tại Việt Nam để mua vật tư nguyên vật liệu, máy móc thiết bị để thực hiện hợp đồng nhà thầu và hàng hoá, dịch vụ để phục vụ cho tiêu dùng nội bộ, tiêu dùng các khoản không thuộc hạng mục, công việc mà Nhà thầu nước ngoài thực hiện theo hợp đồng nhà thầu thì giá trị hàng hoá, dịch vụ này không được trừ khi xác định doanh thu tính thuế GTGT của Nhà thầu nước ngoài.

4.2. Hướng dẫn cụ thể cách xác định doanh thu tính thuế GTGT đối với một số trường hợp và đưa ra ví dụ (điểm b khoản 1 Điều 12 Thông tư 60/2012/TT-BTC):

- Đối với dịch vụ giao nhận, kho vận quốc tế từ Việt Nam đi nước ngoài (không phân biệt người gửi hay người nhận trả tiền dịch vụ), doanh thu tính thuế GTGT là toàn bộ doanh thu Nhà thầu nước ngoài nhận được không bao gồm cước vận chuyển quốc tế phải trả cho hãng vận chuyển (hàng không, đường biển).

- Đối với dịch vụ chuyển phát quốc tế từ Việt Nam đi nước ngoài (không phân biệt người gửi hay người nhận trả tiền dịch vụ), doanh thu tính thuế GTGT là toàn bộ doanh thu Nhà thầu nước ngoài nhận được.

4.3. Về tỷ lệ % GTGT tính trên doanh thu tính thuế

Bổ sung tỷ lệ % GTGT tính trên doanh thu tính thuế đối với dịch vụ khoan dầu khí là 70% tại điểm a khoản 2 Điều 12 Thông tư số 60/2012/TT-BTC.

4.4. Hướng dẫn cụ thể cách xác định tỷ lệ % GTGT tính trên doanh thu tính thuế đối với hoạt động xây dựng, lắp đặt có bao thầu nguyên vật liệu hoặc máy móc, thiết bị đi kèm công trình xây dựng tại điểm b khoản 2 Điều 12 Thông tư 60/2012/TT-BTC và đưa ra ví dụ:

Riêng đối với hoạt động xây dựng, lắp đặt có bao thầu nguyên vật liệu hoặc máy móc, thiết bị đi kèm công trình xây dựng thì tỷ lệ giá trị gia tăng tính trên doanh thu tính thuế là 30% tính trên toàn bộ giá trị hợp đồng. Trường hợp Nhà thầu nước ngoài ký hợp đồng với các Nhà thầu phụ để giao lại toàn bộ các phần giá trị công việc hoặc hạng mục có bao thầu nguyên vật liệu hoặc máy móc, thiết bị, Nhà thầu nước ngoài chỉ thực hiện phần giá trị dịch vụ còn lại theo hợp đồng nhà thầu thì tỷ lệ % GTGT tính trên doanh thu tính thuế GTGT được áp dụng đối với ngành nghề dịch vụ (50%).

5. Nộp thuế TNDN theo tỷ lệ % tính trên doanh thu

5.1. Hướng dẫn cụ thể cách xác định doanh thu tính thuế TNDN của Nhà thầu nước ngoài trong trường hợp Nhà thầu nước ngoài ký hợp đồng với Nhà thầu phụ Việt Nam, Nhà thầu phụ nước ngoài để giao bớt một phần công việc được quy định tại Hợp đồng nhà thầu và trường hợp Nhà thầu nước ngoài ký hợp đồng với các nhà cung cấp tại Việt Nam để mua hàng hoá, dịch vụ phục vụ việc thực hiện Hợp đồng nhà thầu tại điểm b khoản 1 Điều 13 Thông tư 60/2012/TT-BTC, đồng thời đưa ra ví dụ:

Trường hợp Nhà thầu nước ngoài ký hợp đồng với Nhà thầu phụ Việt Nam hoặc Nhà thầu phụ nước ngoài thực hiện nộp thuế theo phương pháp khấu trừ, kê khai hoặc Nhà thầu phụ nước ngoài nộp thuế theo phương pháp hỗn hợp để giao bớt một phần giá trị công việc hoặc hạng mục được quy định tại Hợp đồng nhà thầu ký với Bên Việt Nam và danh sách các Nhà thầu phụ Việt Nam, Nhà thầu phụ nước ngoài thực hiện phần công việc hoặc hạng mục tương ứng được liệt kê kèm theo Hợp đồng nhà thầu thì doanh thu tính thuế TNDN của Nhà thầu nước ngoài không

bao gồm giá trị công việc do Nhà thầu phụ Việt Nam hoặc Nhà thầu phụ nước ngoài thực hiện.

Trường hợp Nhà thầu nước ngoài ký hợp đồng với các nhà cung cấp tại Việt Nam để mua vật tư nguyên vật liệu, máy móc thiết bị để thực hiện hợp đồng nhà thầu và hàng hoá, dịch vụ để phục vụ cho tiêu dùng nội bộ, tiêu dùng các khoản không thuộc hạng mục, công việc mà Nhà thầu nước ngoài thực hiện theo hợp đồng nhà thầu thì giá trị hàng hoá, dịch vụ này không được trừ khi xác định doanh thu tính thuế TNDN của Nhà thầu nước ngoài.

5.2. Hướng dẫn cụ thể cách xác định doanh thu tính thuế TNDN đối với một số trường hợp và đưa ra ví dụ (điểm b khoản 1 Điều 13 Thông tư 60/2012/TT-BTC):

- Đối với dịch vụ giao nhận, kho vận quốc tế từ Việt Nam đi nước ngoài, (không phân biệt người gửi hay người nhận trả tiền dịch vụ), doanh thu tính thuế TNDN là toàn bộ doanh thu Nhà thầu nước ngoài nhận được không bao gồm cước vận chuyển quốc tế phải trả cho hãng vận chuyển (hàng không, đường biển).

- Đối với dịch vụ chuyển phát quốc tế từ Việt Nam đi nước ngoài (không phân biệt người gửi hay người nhận trả tiền dịch vụ), doanh thu tính thuế TNDN là toàn bộ doanh thu Nhà thầu nước ngoài nhận được.

- Đối với tái bảo hiểm, doanh thu tính thuế TNDN xác định như sau:

- + Đối với hoạt động nhượng tái bảo hiểm ra nước ngoài, doanh thu tính thuế TNDN là số tiền phí nhượng tái bảo hiểm ra nước ngoài mà Nhà thầu nước ngoài nhận được (bao gồm hoa hồng tái bảo hiểm và chi phí bồi hoàn cho khách hàng theo thoả thuận).

- + Đối với hoạt động nhận tái bảo hiểm từ nước ngoài, doanh thu tính thuế TNDN là khoản hoa hồng nhượng tái bảo hiểm mà Nhà thầu nước ngoài nhận được.

Bộ Tài chính sẽ ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể về chính sách thuế đối với dịch vụ bảo hiểm.

- Đối với chuyển nhượng chứng khoán, trái phiếu (trừ trái phiếu thuộc diện miễn thuế), chứng chỉ tiền gửi, doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp là tổng doanh thu bán chứng khoán, trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi tại thời điểm chuyển nhượng.

Bộ Tài chính sẽ ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể về chính sách thuế đối với hoạt động chứng khoán.

- Doanh thu tính thuế TNDN đối với giao dịch hoán đổi lãi suất là phần chênh lệch giữa lãi phải thu và lãi phải trả mà Nhà thầu nước ngoài nhận được trong 1 năm dương lịch. Việc xác định kỳ tính thuế theo năm dương lịch được thực hiện theo quy định tại Luật thuế TNDN, Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn (Nội dung này đã được hướng dẫn tại công văn số 13637/BTC-CST ngày 25/9/2009 của Bộ Tài chính).

Bộ Tài chính sẽ ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể về chính sách thuế đối với dịch vụ tài chính phái sinh.

5.3. Tỷ lệ % thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế: điểm a khoản 2 Điều 13 Thông tư 60/2012/TT-BTC:

- Đối với cung cấp hàng hoá theo hình thức xuất nhập khẩu tại chỗ (trừ trường hợp gia công hàng hóa cho tổ chức, cá nhân nước ngoài); cung cấp hàng hoá theo điều kiện giao hàng DDP, DAT, DAP: 1%.

- Đối với thuê giàn khoan: 5%.

- Đối với dịch vụ quản lý nhà hàng, khách sạn, casino: sửa đổi, nâng từ 5% lên 10%.

- Đối với tái bảo hiểm ra nước ngoài: sửa đổi, hạ từ 2% xuống 0,1 %. Đồng thời hướng dẫn rõ hoa hồng nhượng tái bảo hiểm cùng nhóm với tái bảo hiểm áp dụng tỷ lệ 0,1 %.

- Đối với dịch vụ tài chính phái sinh: 2%.

- Đối với thu nhập từ lãi tiền vay: sửa đổi, hạ từ 10% xuống 5%.

5.4. Hướng dẫn cụ thể cách xác định tỷ lệ % thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế đối với hoạt động xây dựng, lắp đặt có bao thầu nguyên vật liệu hoặc máy móc, thiết bị đi kèm công trình xây dựng tại điểm b khoản 2 Điều 13 Thông tư 60/2012/TT-BTC và đưa ra ví dụ:

Riêng đối với hoạt động xây dựng, lắp đặt có bao thầu nguyên vật liệu hoặc máy móc, thiết bị đi kèm công trình xây dựng thì tỷ lệ % thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế là 2% trên toàn bộ giá trị hợp đồng. Trường hợp Nhà thầu nước ngoài ký hợp đồng với các Nhà thầu phụ để giao lại toàn bộ các phần giá trị công việc hoặc hạng mục có bao thầu nguyên vật liệu hoặc máy móc, thiết bị, Nhà thầu nước ngoài chỉ thực hiện phần giá trị dịch vụ còn lại theo hợp đồng nhà thầu thì tỷ lệ % thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế TNDN được áp dụng đối với ngành nghề dịch vụ (5%).

6. Quy định về việc thực hiện khai, nộp thuế

Quy định về khai, nộp thuế đối với Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài đã được hướng dẫn tại Thông tư số 28/2011/TT-BTC ngày 28/2/2011 của Bộ Tài chính về quản lý thuế. Tại Điều 17 Thông tư số 60/2012/TT-BTC hướng dẫn cụ thể việc khai, nộp thuế trong một số trường hợp như sau:

- Trường hợp Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài đang thực hiện nghĩa vụ thuế theo một trong ba phương pháp như hướng dẫn tại Chương II Thông tư số 60/2012/TT-BTC thì phải tiếp tục khai, nộp thuế theo phương pháp đang thực hiện cho đến khi kết thúc hợp đồng.

- Trường hợp Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài đang thực hiện nghĩa vụ thuế theo một trong ba phương pháp như hướng dẫn tại Chương II Thông

tư số 60/2012/TT-BTC, nếu tiếp tục ký hợp đồng nhà thầu hoặc hợp đồng nhà thầu phụ mới tại Việt Nam khi chưa kết thúc hợp đồng nhà thầu hoặc hợp đồng nhà thầu phụ cũ thì tiếp tục thực hiện khai, nộp thuế đối với các hợp đồng nhà thầu, hợp đồng nhà thầu phụ mới theo các phương pháp đã thực hiện của hợp đồng nhà thầu hoặc hợp đồng nhà thầu phụ cũ.

- Trường hợp việc ký kết, thực hiện hợp đồng nhà thầu hoặc hợp đồng nhà thầu phụ mới vào thời điểm hợp đồng nhà thầu hoặc hợp đồng nhà thầu phụ cũ đã kết thúc thì Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài được đăng ký lại phương pháp nộp thuế theo một trong ba phương pháp như hướng dẫn tại Chương II Thông tư số 60/2012/TT-BTC cho hợp đồng mới.

- Trường hợp cùng một thời điểm mà Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài thực hiện nhiều hợp đồng, nếu có một hợp đồng đủ điều kiện theo quy định và Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài đăng ký nộp thuế theo phương pháp khấu trừ, kê khai hoặc phương pháp hỗn hợp thì các hợp đồng khác (kể cả những hợp đồng không đủ điều kiện) cũng phải thực hiện nộp thuế theo phương pháp mà Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài đã đăng ký thực hiện.

- Trường hợp Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài cung cấp hàng hoá, dịch vụ để tiến hành hoạt động tìm kiếm, thăm dò, phát triển và khai thác mỏ dầu, khí đốt thực hiện nộp thuế GTGT theo phương pháp tính trực tiếp trên GTGT thì bên Việt Nam có trách nhiệm khấu trừ, nộp thay thuế GTGT theo tỷ lệ quy định.

Trường hợp Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài cung cấp hàng hoá, dịch vụ để tiến hành hoạt động tìm kiếm, thăm dò, phát triển và khai thác mỏ dầu, khí đốt thực hiện nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ: Trong thời gian Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài chưa được cơ quan thuế cấp giấy chứng nhận đăng ký thuế để khai, nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, nếu bên Việt Nam thanh toán tiền cho Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài thì bên Việt Nam có trách nhiệm khấu trừ nộp thay thuế GTGT theo tỷ lệ quy định. Trường hợp Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài đã được cơ quan thuế cấp giấy chứng nhận đăng ký thuế thì Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài có trách nhiệm khai, nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ đối với doanh thu phát sinh kể từ khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký thuế. Số thuế GTGT bên Việt Nam đã nộp thay Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài theo tỷ lệ không bù trừ vào số thuế GTGT phải nộp của Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài đồng thời Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào phát sinh trước khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký thuế.

8. Hiệu lực thi hành

- Thông tư số 60/2012/TT-BTC có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày 12/4/2012.

- Đối với các Hợp đồng nhà thầu, hợp đồng thầu phụ cung cấp dịch vụ thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT, thuế TNDN hoặc những hợp đồng vay thuộc đối tượng không chịu thuế TNDN đối với lãi tiền vay theo quy định tại Thông tư số 169/1998/TT-BTC ngày 22/12/1998 của Bộ Tài chính, nay thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, thuế TNDN theo quy định tại Thông tư số 60/2012/TT-BTC thì áp dụng theo quy định tại Thông tư số 60/2012/TT-BTC kể từ ngày 01/3/2012.

- Đối với các Hợp đồng nhà thầu, hợp đồng thầu phụ đang áp dụng tỷ lệ % thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế theo quy định tại các Thông tư trước đây cao hơn tỷ lệ tại Thông tư số 60/2012/TT-BTC thì áp dụng tỷ lệ tại Thông tư số 60/2012/TT-BTC kể từ ngày 01/3/2012.

- Tỷ lệ % thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế đối với Hợp đồng cung cấp dịch vụ quản lý nhà hàng, khách sạn, casino áp dụng theo quy định tại Thông tư số 60/2012/TT-BTC kể từ ngày 01/3/2012. ✓